

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 (gọi tắt là “ Công ty”) tiền thân là Đoàn Quản lý đường sông số 5, được thành lập theo Quyết định số 121/QĐ/TC ngày 03/6/1977 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được đổi tên lần lượt thành Đoàn Quản lý đường sông số 13 (Quyết định số 1279/QĐ/TCCB-LĐ ngày 06/7/1992 của Bộ Giao thông Vận tải và Bru điện), Đoàn Quản lý Đường thủy nội địa số 13 (Quyết định số 1224/QĐ-CĐS ngày 23/12/2008 của Cục Đường sông Việt Nam (nay là Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam).

Công ty được phê duyệt phương án và chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4574/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 1601968090 đăng ký lần đầu ngày 27/3/2015, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/3/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 09/3/2023 là 21.188.950.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAYS MANAGEMENT MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY NO 13.

Tên Công ty viết tắt là: WAMICO NO.13.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 01B Ngô Quyền, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Trung Tá	Chủ tịch (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 18/01/2023)
Ông Ngô Xuân Hà	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 18/01/2023)
Bà Bùi Thị Hiền Thơm	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 18/01/2023)
Ông Ngô Xuân Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)
Ông Nguyễn Thanh Tông	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)
Ông Phan Văn Bình	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)
Ông Nguyễn Văn Nhạn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)
Ông Trần Hải Nam	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)
Bà Trương Thị Yến Nga	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 26/4/2023)
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 26/4/2023)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Nga	Trưởng ban (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 18/01/2023)
Ông Đỗ Khắc Ban	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 18/01/2023)
Ông Nguyễn Đình Kỳ	Thành viên (Bầu nhiệm kỳ mới từ ngày 18/01/2023)
Ông Trần Lâm Hiếu	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)
Ông Đỗ Khắc Ban	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)
Bà Trương Thị Yến Nga	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/01/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Trung Tá	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/3/2024)
Ông Phan Văn Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04/01/2024)
Ông Nguyễn Thanh Tông	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04/01/2024)
Ông Ngô Xuân Hà	Giám đốc (Nghỉ việc từ ngày 01/3/2024)
Ông Đỗ Anh Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trí	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 04/01/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



An Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2024



Số: 105/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 13**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 13, được lập ngày 19/3/2024, từ trang 07 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc Phụ trách**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy ủy quyền số 06/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Đàm Tuấn Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		31.039.548.113	15.190.585.055
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.627.588.946	2.655.728.884
1. Tiền	111	5.1	3.627.588.946	2.655.728.884
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	43.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.172.420.456	11.447.138.708
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.464.548.057	11.660.161.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	409.976.250	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	559.646	489.641.184
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(702.663.497)	(702.663.497)
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	3.885.981.987	379.334.287
1. Hàng tồn kho	141		3.885.981.987	379.334.287
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.310.556.724	708.383.176
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	704.257.888	102.084.340
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	606.298.836	606.298.836
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		7.365.099.983	2.203.263.342
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		7.365.099.983	2.203.263.342
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	7.365.099.983	2.203.263.342
- Nguyên giá	222		17.132.074.862	10.554.698.969
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.766.974.879)	(8.351.435.627)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		38.404.648.096	17.393.848.397

9178
TNHH
OÁN
TNA
ÁNH
MINH
H-V

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		11.515.496.576	5.139.771.471
I- Nợ ngắn hạn	310		11.515.496.576	5.139.771.471
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.250.248.039	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.447.591.394	893.026.988
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.979.578.856	1.303.113.618
4. Phải trả người lao động	314		429.900.000	2.516.285.976
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	151.368	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	5.379.815.294	-
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		28.211.625	427.344.889
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		26.889.151.520	12.254.076.926
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	26.889.151.520	12.254.076.926
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.188.950.000	8.475.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.188.950.000	8.475.580.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.647.279.190	1.559.152.018
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.052.922.330	2.219.344.908
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		4.052.922.330	2.219.344.908
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		38.404.648.096	17.393.848.397

An Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Văn Nhận

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Nhận

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	43.544.112.882	34.304.638.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		43.544.112.882	34.304.638.317
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	32.814.443.409	26.858.934.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.729.669.473	7.445.703.707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	454.179.666	18.399.829
7. Chi phí tài chính	22	6.4	246.845.087	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		246.197.957	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	652.456.758	353.102.712
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.773.434.977	4.251.043.037
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		4.511.112.317	2.859.957.787
11. Thu nhập khác	31	6.7	590.026.889	63.636.365
12. Chi phí khác	32	6.7	27.989.035	61.000.829
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	562.037.854	2.635.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.073.150.171	2.862.593.323
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.020.227.841	643.248.415
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.052.922.330	2.219.344.908
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.197	2.226

An Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Văn Nhạn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Nhạn

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.073.150.171	2.862.593.323
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.415.539.252	623.771.245
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(454.179.666)	(18.399.829)
- Chi phí lãi vay	06		246.197.957	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		6.280.707.714	3.467.964.739
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.725.281.748)	1.099.916.772
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.506.647.700)	3.779.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		849.363.648	(5.808.078.493)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(602.173.548)	96.015.656
- Tiền lãi vay đã trả	14		(246.197.957)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(474.548.414)	(633.599.306)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(103.200.000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(732.035.000)	(376.625.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.260.013.005)	(2.150.626.861)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.577.375.893)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	70.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.043.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.924.691.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		454.179.666	18.399.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.166.196.227)	3.013.090.829
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		12.713.370.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		8.054.077.656	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.674.262.362)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.695.116.000)	(2.118.895.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.398.069.294	(2.118.895.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		971.860.062	(1.256.431.032)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.655.728.884	3.912.159.916
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.627.588.946	2.655.728.884

An Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Văn Nhạn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Nhạn

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 tiền thân là Đoàn Quản lý đường sông số 5, được thành lập theo Quyết định số 121/QĐ/TC ngày 03/6/1977 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được đổi tên lần lượt thành Đoàn Quản lý đường sông số 13 (Quyết định số 1279/QĐ/TCCB-LĐ ngày 06/7/1992 của Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện), Đoàn Quản lý Đường thủy nội địa số 13 (Quyết định số 1224/QĐ-CĐS ngày 23/12/2008 của Cục Đường sông Việt Nam (nay là Cục Đường thủy nội địa Việt Nam).

Công ty được phê duyệt phương án và chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4574/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 1601968090 đăng ký lần đầu ngày 27/3/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/3/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 09/3/2023 là 21.188.950.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAYS MANAGEMENT MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY NO 13.

Tên Công ty viết tắt là: WAMICO NO.13.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01B Ngô Quyền, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 99 người (tại ngày 31/12/2022 là 94 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gồm:

- Chuẩn bị mặt bằng: nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải: dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy;
- Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng phương tiện thủy, bộ;
- Khai thác cát, sỏi, đá;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, băng đường bộ;
- Xây dựng nhà để ở, nhà không để ở, công trình đường bộ, công trình đường thủy;
- Sản xuất báo hiệu đường thủy, cọc bê tông cốt thép;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa composite;
- Tổ chức tua du lịch thủy nội;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sắt, thép, gang, các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Phá dỡ; Cho thuê phương tiện thủy nội địa, ụ tàu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (không hoạt động tại trụ sở);

0101
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VIỆT
NAM
CHỈ NH
HỒ CH
MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: điều tiết khống chế, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa và hàng hải; Chống va trôi, ngăn ngừa các phương tiện đâm va vào các công trình giao thông; Cứu nạn và cứu hộ trên đường thủy nội địa, hàng hải; Trục vớt tàu, kính doanh hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước; Dịch vụ buộc, cởi dây cho tàu; Lắp đặt các bến, phao neo đậu tàu, biển báo hiệu trên đường thủy nội và hàng hải; Nạo vét, duy tu và bảo dưỡng luồng đường thủy nội địa và hàng hải, vùng nước biển và các công trình khác;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán buôn báo hiệu, phao đường thủy nội địa;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng đường thủy nội địa, điều tiết, khống chế đảm bảo an toàn giao thông đường thủy, thanh thải chướng ngại;
- Cung cấp lao động theo yêu cầu của khách hàng;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa, hàng hải, rà quét thanh thải chướng ngại vật trên đường thủy nội địa;
- Cho thuê tàu, thuyền;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp lý);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành như: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Điều tiết; Thanh thải vật chướng ngại; Cứu hộ; Cứu nạn; Chống va trôi các cầu đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; Hoa tiêu đường thủy; Khảo sát đường thủy.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

9179
TNHH
JAN
ANH
MINH
H-VI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí bán hàng phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 39
Máy móc, thiết bị	03 - 11
Phương tiện vận tải	06 - 17
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm biển báo hiệu Đường thủy Nội địa và cung cấp quản lý, bảo trì tuyến Đường thủy Nội địa, điều tiết đảm bảo giao thông thủy, tiết đảm bảo giao thông phục vụ thi công công trình.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

179
TNNH
AN
NAI
NH
MINH
1-VIET

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	3.568.129.917	121.501.845
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.459.029	2.534.227.039
Tổng	3.627.588.946	2.655.728.884

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	43.000.000	43.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	43.000.000	43.000.000	-	-
Tổng	43.000.000	43.000.000	-	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2 TP.HCM với lãi suất cố định 6%/năm. Tại ngày 31/12/2023, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị là 43.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cục đường thủy Nội địa Việt Nam	12.595.369.658	10.511.099.485
Công ty TNHH XD và Khảo sát Thanh Tuấn	94.571.150	245.856.000
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 2	434.571.000	434.571.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Việt Hưng	618.092.142	-
Các đối tượng còn lại	721.944.107	468.634.536
Tổng	14.464.548.057	11.660.161.021

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Bến Thủy	259.976.250	-
Các đối tượng khác	150.000.000	-
Tổng	409.976.250	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ông Vũ Trung Tá (i)	8.000.000.000	-
Tổng	8.000.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>-</i>

(i) Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 cho vay ngắn hạn theo Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐ2023.CTY13 ngày 09/3/2023 với số tiền cho vay là 8.000.000.000 VND, thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 6.5%/năm cố định trong suốt thời gian vay.

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ký quỹ ký cược	-	-	463.641.184	-
Tạm ứng	-	-	26.000.000	-
Phải thu khác	559.646	-	-	-
Tổng	559.646	-	489.641.184	-

5.7 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tàu Cuốc	2.460.000	-	2.460.000	-
Công ty Cổ phần Cầu 14	67.488.305	-	67.488.305	-
Công ty Xây dựng Công trình 2	44.803.746	-	44.803.746	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	11.327.176	-	11.327.176	-
Công ty Cổ phần Tàu Cuốc	101.109.462	-	101.109.462	-
Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	6.615.999	-	6.615.999	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	434.571.000	-	434.571.000	-
Công ty TNHH MTV Taydoshin	30.347.809	-	30.347.809	-
Doanh nghiệp Tư nhân Hà Tấn Đạt	3.940.000	-	3.940.000	-
Tổng	702.663.497	-	702.663.497	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.885.981.987	-	379.334.287	-
Tổng	3.885.981.987	-	379.334.287	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	704.257.888	102.084.340
Tổng	704.257.888	102.084.340

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	1.749.927.163	1.179.891.750	6.937.061.874	687.818.182	10.554.698.969
Tăng trong năm	1.230.740.185	-	5.346.635.708	-	6.577.375.893
Mua trong năm	1.230.740.185	-	5.346.635.708	-	6.577.375.893
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	2.980.667.348	1.179.891.750	12.283.697.582	687.818.182	17.132.074.862
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	1.345.780.064	759.384.541	6.038.519.424	207.751.598	8.351.435.627
Tăng trong năm	65.634.681	187.325.424	1.093.797.283	68.781.864	1.415.539.252
Khấu hao trong năm	65.634.681	187.325.424	1.093.797.283	68.781.864	1.415.539.252
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	1.411.414.745	946.709.965	7.132.316.707	276.533.462	9.766.974.879
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	404.147.099	420.507.209	898.542.450	480.066.584	2.203.263.342
Tại ngày 31/12/2023	1.569.252.603	233.181.785	5.151.380.875	411.284.720	7.365.099.983

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 3.153.873.644 VND (tại ngày 31/12/2022: 4.586.161.025 VND).

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ông Trần Ngọc Thái	1.150.000.000	1.150.000.000	-	-
Các đối tượng còn lại	100.248.039	100.248.039	-	-
Tổng	1.250.248.039	1.250.248.039	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang	-	590.026.889
Tổng công ty 36 - CTCP	501.214.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai	279.936.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Nam	300.000.000	-
Công ty TNHH Phúc Thành Tân Châu	240.000.000	240.000.000
Các đối tượng khác	1.126.441.394	63.000.099
Tổng	2.447.591.394	893.026.988

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	1.303.113.618	4.726.850.911	4.050.385.673	1.979.578.856
Thuế GTGT	953.365.203	3.592.611.681	3.461.825.870	1.084.151.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	349.748.415	1.020.227.841	474.548.414	895.427.842
Thuế thu nhập cá nhân	-	84.755.800	84.755.800	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	27.255.589	27.255.589	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Phải thu	606.298.836	-	-	606.298.836
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	606.298.836	-	-	606.298.836

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	151.368	-
Tổng	151.368	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13Số 01B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

31/12/2023 (VND)		Trong năm		01/01/2023 (VND)	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
5.379.815.294	5.379.815.294	8.054.077.656	2.674.262.362	-	-
5.379.815.294	5.379.815.294	8.054.077.656	2.674.262.362	-	-

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2 TP. Hồ Chí Minh (i)

Tổng**(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2 TP Hồ Chí Minh**

Số hợp đồng : Hợp đồng cho vay hạn mức số 17/2023-HĐCVHM/NHCT90430-CTYĐTND513 ngày 16/04/2023. Tổng hạn mức cho vay là 12.000.000.000 VND.

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Thời hạn vay : Thời hạn cho vay đến ngày 16/04/2024. Thời hạn cho vay của từng Khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng.

Lãi suất : Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 10%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo : Hợp đồng thế chấp bất động sản số 159/2022/HĐBĐ/NHCT904 ngày 08/12/2022; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp BĐS số 159/2022/HĐBĐ-SDDBS01/NHCT904 ngày 29/03/2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung khác nếu có. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 166-29, Tờ bản đồ số 22, Lô B29 Khu 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu/sử dụng của ông Vũ Trung Tá và vợ là bà Trương Thị Yên Nga.

Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2023 : 5.379.815.294 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	8.475.580.000	1.331.516.681	2.757.289.921	12.564.386.602
Lãi trong năm trước	-	-	2.219.344.908	2.219.344.908
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	227.635.337	(227.635.337)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(410.759.584)	(410.759.584)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(2.118.895.000)	(2.118.895.000)
Số dư tại 31/12/2022	8.475.580.000	1.559.152.018	2.219.344.908	12.254.076.926
Số dư tại 01/01/2023	8.475.580.000	1.559.152.018	2.219.344.908	12.254.076.926
Lãi trong năm nay	-	-	4.052.922.330	4.052.922.330
Nhận vốn góp từ các cổ đồng (i)	12.713.370.000	-	-	12.713.370.000
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	191.327.172	(191.327.172)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	(332.901.736)	(332.901.736)
Chia cổ tức năm 2022 (ii)	-	-	(1.695.116.000)	(1.695.116.000)
Giảm khác	-	(103.200.000)	-	(103.200.000)
Số dư tại 31/12/2023	21.188.950.000	1.647.279.190	4.052.922.330	26.889.151.520

(i) Trong năm 2023, Công ty tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2023. Số vốn điều lệ tăng thêm là 12.713.370.000VND tương ứng 1.271.337 cổ phần.

(ii) Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 29/4/2023 của Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 76,4% trên lợi nhuận sau thuế tương ứng là 1.695.116.000 VND.
- Trích quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 8,6% trên lợi nhuận sau thuế tương ứng là 191.327.172 VND.
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 15% trên lợi nhuận sau thuế tương ứng là 332.901.736 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

Stt	Cổ đông	Tại 31/12/2023			Tại 01/01/2023		
		Cổ phần	Giá trị theo mệnh giá VND	Tỷ lệ	Cổ phần	Giá trị theo mệnh giá VND	Tỷ lệ
1	Ông Vũ Trung Tá	701.318	7.013.180.000	33,10%	407.558	4.075.580.000	48,09%
2	Ông Ngô Xuân Hà	100.000	1.000.000.000	4,72%	89.400	894.000.000	10,55%
3	Bà Trương Thị Yến Nga	150.500	1.505.000.000	7,10%	60.200	602.000.000	7,10%
4	Ông Phan Văn Bình	98.277	982.770.000	4,64%	72.300	723.000.000	8,53%
5	Bà Nguyễn Thị Trúc	106.000	1.060.000.000	5,00%	-	-	0,00%
6	Ông Nguyễn Trường Sơn	424.000	4.240.000.000	20,01%	-	-	0,00%
7	Các cổ đông khác	538.800	5.388.000.000	25,43%	218.100	2.181.000.000	25,73%
Tổng		2.118.895	21.188.950.000	100%	847.558	8.475.580.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	8.475.580.000	8.475.580.000
Vốn góp tăng trong năm	12.713.370.000	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	21.188.950.000	8.475.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.695.116.000	2.118.895.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.118.895	847.558
Cổ phiếu phổ thông	2.118.895	847.558
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.647.279.190	1.559.152.018
Tổng	1.647.279.190	1.559.152.018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.544.112.882	34.304.638.317
Tổng	43.544.112.882	34.304.638.317

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.814.443.409	26.858.934.610
Tổng	32.814.443.409	26.858.934.610

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	454.179.666	18.399.829
Tổng	454.179.666	18.399.829

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	246.197.957	-
Các khoản khác	647.130	-
Tổng	246.845.087	-

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bằng tiền khác	652.456.758	353.102.712
Tổng	652.456.758	353.102.712

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.258.202.401	1.417.618.991
Chi phí đồ dùng văn phòng	210.669.457	96.015.656
Chi phí khấu hao TSCĐ	482.900.601	454.554.612
Thuế phí và lệ phí	29.255.589	50.198.641
Chi phí bằng tiền khác	2.792.406.929	2.232.655.137
Tổng	5.773.434.977	4.251.043.037

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập khác	590.026.889	63.636.365
Tổng	590.026.889	63.636.365
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí khác	27.989.035	61.000.829
Tổng	27.989.035	61.000.829
Lợi nhuận khác	562.037.854	2.635.536

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.628.884.251	7.879.046.668
Chi phí nhân công	13.807.193.015	12.704.920.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.415.539.252	623.771.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.285.059.948	7.615.606.860
Chi phí khác bằng tiền	3.610.306.378	2.635.956.490
Tổng	42.746.982.844	31.459.301.359

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.073.150.171	2.862.593.323
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>27.989.035</i>	<i>353.648.748</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>27.989.035</i>	<i>353.648.748</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	5.101.139.206	3.216.242.071
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.020.227.841	643.248.415

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.052.922.330	2.219.344.908
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(332.901.736)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.052.922.330	1.886.443.172
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.844.885	847.558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.197	2.226

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi lương thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 26/04/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 giảm từ 2.619 VND xuống 2.226 VND.

	Năm 2022 Số đã báo cáo (VND)	Năm 2022 Số trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.219.344.908	2.219.344.908	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(332.901.736)	(332.901.736)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.219.344.908	1.886.443.172	(332.901.736)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	847.558	847.558	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.619	2.226	(393)

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin bên liên quan****a) Danh sách bên liên quan**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Vũ Trung Tá	Cổ đông lớn
2	Bà Trương Thị Yến Nga	Cổ đông lớn
3	Ông Nguyễn Trường Sơn	Cổ đông lớn
4	Bà Nguyễn Thị Trúc	Cổ đông lớn
5	Các cá nhân quản lý (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này	Ảnh hưởng đáng kể

b) Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.106.941.200	1.957.132.516

c) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu về cho vay		8.000.000.000	-
Ông Vũ Trung Tá	Cho vay	8.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập



Nguyễn Văn Nhạn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Nhạn

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá

3
5
Mi